TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HS-ST
Ngày 22-11-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Phạm Văn Quang và ông Vũ Đăng Đông.

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Vũ Cao Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Vũ Trung K, sinh năm 1976 tại xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: thôn C, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; dân tộc Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Vũ Văn H, đã chết và bà Nguyễn Thị Th.

Có vợ (Vũ Thị Nh) và 2 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 03/9/2019 đến ngày 05/9/2019

Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1985 tại xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: thôn C, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam.

Con ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị X.

Có vợ (Bùi Thị H) và 3 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/9/2019 đến ngày 05/9/2019.

Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. **Hà Văn Th**, sinh năm 1978 tại xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: thôn C, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: làm ruộng. Trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Hà Văn Q, đã chết và bà Đỗ Thị T, đã chết;

Có vợ (Nguyễn Thị R) và 3 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/9/2019 đến ngày 05/9/2019.

Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Cao Văn N, sinh năm 1968, tại xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: thôn C, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Cao Văn L và bà Vũ Thị B, đã chết;

Có vợ (Nguyễn Thị T) và có 3 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/9/2019 đến ngày 05/9/2019.

Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn C, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Anh Vũ Đình D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn C, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 03/9/2019, Vũ Trung K đang ở nhà tại thôn C, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương thì lần lượt có Hà Văn Th, Cao Văn N, Nguyễn Văn Gi ở cùng thôn đến chơi. Trong lúc ngồi uống nước tại phòng khách, Gi rủ mọi người đánh bạc dưới hình thức đánh chắn sát phạt tiền lẫn nhau, Th, N, K đồng ý. Gi lấy thảm ở gầm bàn uống nước nhà K trải dưới nền nhà, 01 bát sứ ở chân bàn uống nước, 01 bộ bài chắn ở trong tủ nhà K để ở trên thảm. Đến khoảng 08 giờ 30 phút, Gi, N, K, Th ngồi xuống thảm bắt đầu đánh bạc. Cách thức chơi và mức độ sát phạt như sau: Bốn người chơi dùng bộ bài chắn 100 quân chia làm 5 phần, mỗi người chơi được chia 19 quân, người đánh trước được 20 quân, số còn lại để làm bài lọc được đặt trên bát. Người thắng của ván đó là người ù (tức là có đủ 6 chắn và 4 cạ); mức độ sát phạt là "xuông 20, dịch 10", tức là ù xuông (ù không có cước) thì mỗi người phải trả cho người ù 20.000 đồng, ù có cước thì mỗi cước được tính bằng 1 điểm (tức là dịch 1 cước bằng 10.000 đồng), cụ thể: ù Tôm được tính 3 điểm bằng 30.000 đồng, ù Lèo được tính 4 điểm bằng 40.000 đồng; ù tám đỏ, ù bạch định, ù bạch thủ chi được tính 5 điểm bằng 50.000 đồng, nếu một trong bốn người chơi ù có được các cước nêu trên thì 3 người còn lại đều phải trả tiền cho người ù theo số tiền quy định; nếu bốc hết quân bài lọc trên bát mà không có người ù thì ván chơi đó hòa.

Cứ như vậy, các đối tượng đánh bạc đến 09 giờ 30 phút cùng ngày bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 1.340.000 đồng, 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 thảm vải, 01 bát sứ màu trắng; thu trên người Gi 1.600.000 đồng, Th 1.260.000 đồng, N 11.080.000 đồng .

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 5.280.000 đồng, gồm: Tiền thu giữ trên chiếu bạc 1.340.000 đồng; thu giữ số tiền trên người các bị cáo dùng đánh bạc là 3.940.000 đồng (gồm của N 1.080.000 đồng, Th 1.260.000 đồng, Gi 1.600.000 đồng). Trong đó K khai sử dụng 500.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt thua bạc 80.000 đồng, số còn lại để dưới chiếu bạc; Gi khai có 1.800.000 đồng sử dụng đánh bạc, khi bị bắt cất giấu trên người 1.600.000 đồng; Th khai có 1.600.000 đồng sử dụng đánh bạc, khi bị bắt cất giấu trên người 1.260.000 đồng; N khai có 11.280.000 đồng, sử dụng 1.280.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt cất giấu trên người 11.080.000 đồng (trong đó có 1.080.000 đồng sử dụng đánh bạc, 10.000.000 đồng N không sử dụng đánh bạc)

Tại bản Cáo trạng số 61 ngày 04/11/2019 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo Vũ Trung K, Nguyễn Văn Gi, Hà Văn Th, Cao Văn N, về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố Vũ Trung K, Nguyễn Văn Gi, Hà Văn Th, Cao Văn N phạm tội Đánh bạc

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Vũ Trung K, xử phạt K từ 8 đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn Gi, xử phạt Gi từ 8 đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Hà Văn Th. Xử phạt Th từ 8 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 02 ngày tạm giữ = 06 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã TH nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Cao Văn N, xử phạt N từ 8 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 02 ngày tạm giữ = 06 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã TH nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Khấu trừ từ 5% đến 10% thu thập hàng tháng của bị cáo Th, N trong thời gian chấp hành hình phạt để nộp ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo K, Gi cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Giao bị cáo Th, N cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.280.000 đồng,

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 chiếc thảm vải, 01 bát sứ màu trắng - là vật chứng của vụ án;

Trả lại cho bị cáo N số tiền 10.000.000 đồng (không sử dụng để đánh bạc) nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận thực hiện hành vi như được nêu trên, nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt, nhưng đã khai tại cơ quan điều tra về việc đã trực tiếp chứng kiến việc các bị cáo chơi đánh bạc tại nhà bị cáo K, nội dung tình tiết như nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản được Cơ quan Công an lập khi phát hiện hành vi vi phạm của các bị cáo tại nhà Vũ Trung K, với vật chứng thu giữ và lời khai của người làm chứng nên đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ 08 giờ 30 phút đến 09 giờ 30 phút ngày 03/9/2019, tại nhà Vũ Trung K ở thôn C, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, K cùng với Nguyễn Văn Gi, Hà Văn Th, Cao Văn N có hành vi sát phạt được thua bằng tiền lẫn nhau dưới hình thức sử dụng bộ bài 100 quân làm công cụ. Tổng số tiền các bị can sử dụng đánh bạc là 5.280.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khi thực hiện các hành vi nêu trên đều nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi sát phạt được thua bằng tiền, nhưng vẫn thực hiện là có lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã đồng phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Như vậy, xác định bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[3] Về vị trí vai trò của các bị cáo trong đồng phạm tội Đánh bạc:

Bị cáo K là người sử dụng nhà ở của mình, sử dụng 500.000 đồng để cùng đánh bạc với các bị cáo khác, bị cáo Gi là người rủ rê các bị cáo khác đánh bạc và sử dụng 1.800.000 đồng để đánh bạc nên hai bị cáo giữ vai trò đầu trong đồng phạm; hai bị cáo Th sử dụng 1.600.000 đồng, N sử dụng 1.280.000 đồng để đánh bạc, nên giữ vai trò ngang nhau và vai trò sau trong đồng phạm.

[4]. Về nhân thân: các bị cáo đều có nhân thân tốt.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đều phạm tội lần đầu và phạm tội ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo N có bố là ông Cao Văn Long được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Ba, nên bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 bộ luật hình sự.

[6]. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Về hình phạt chính:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò của các bị caó trong đồng phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với bị cáo K, Gi cần áp dụng hình phạt tù ở mức tương xứng. Xét các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, nhiều tình tiết giảm nhẹ, có thể cho hưởng án treo mà không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, nên cho các bị cáo K và Gi được hưởng án treo.

Đối với Th và N đều có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần phải cách ly khỏi xã hội, nên với các bị cáo này áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ để cải tạo các bị cáo. Cần khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt sung quỹ nhà nước.

[8]. Hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên không phạt tiền bổ sung.

[9]. Về xử lý vật chứng:

Số tiền 5.280.000 đồng là tiền sử dụng vào đánh bạc, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

01 bộ bài chắn 100 quân, 01 chiếc thảm vải, 01 bát sứ màu trắng - là vật chứng của vụ án là công cụ để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 10.000.000 đồng thu trên người N không sử dụng để đánh bạc cần trả lại cho bị cáo N, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Vũ Trung K.

Khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn Gi

Khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Hà Văn Th.

Khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Cao Văn N.

Tuyên bố Vũ Trung K, Nguyễn Văn Gi, Hà Văn Th, Cao Văn N phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt Vũ Trung K 8 tháng tù, cho hưởng án treo với thời gian thử thách 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Nguyễn Văn Gi 8 tháng tù, cho hưởng án treo với thời gian thử thách 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Hà Văn Th 10 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 02 ngày tạm giữ = 06 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 9 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt Cao Văn N 10 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 02 ngày tạm giữ = 06 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 9 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo K, Gi cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Th, N cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo Th, N trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt để sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.280.000 đồng;

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 chiếc thảm vải, 01 bát sứ màu trắng

Trả lại bị cáo Cao Văn N số tiền 10.000.000 đồng, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Số vật chứng này đang quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên bản giao nhận ngày 05/11/2019 giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện Bình Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo Vũ Trung K, Nguyễn Văn Gi, Hà Văn Th, Cao Văn N chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm .

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bình Giang;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện Bình Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Nguyễn Văn Cường